

Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia Xây dựng Nông thôn mới tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long

PHAN THỊ HẰNG NGÀ*
PHẠM DUY LINH**

Tóm tắt

Nghiên cứu tập trung xem xét phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả của Chương trình Mục tiêu Quốc gia Xây dựng Nông thôn mới (Chương trình NTM) đã triển khai trong thời gian qua trên địa bàn các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 5 yếu tố tác động đáng kể đến hiệu quả thực hiện nông thôn mới của các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, gồm: Văn hóa - Xã hội - Môi trường; Hệ thống chính trị; Hạ tầng kinh tế - xã hội; Kinh tế tổ chức sản xuất; Quy hoạch và thực hiện quy hoạch. Từ kết quả này, nhóm tác giả gợi ý chính sách để nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình NTM cho giai đoạn 2018-2020.

Từ khóa: nông thôn mới, Đồng bằng sông Cửu Long, hiệu quả chương trình

Summary

The study analyses the factors influencing the effectiveness of the New Rural Development National Targeted Program (NTM Program) implemented in the Mekong Delta provinces. The research results show that there are 5 factors that have significant impact on the new rural development performance efficiency in the Mekong Delta, including: Culture - Society - Environment; Political system; Socio-economic infrastructure; Manufacturing organizational economy; Planning and implementation of planning. Based on this result, the authors suggest policies to improve the effectiveness of NTM Program for the period from 2018 to 2020.

Keywords: new rural areas, the Mekong Delta, program efficiency

GIỚI THIỆU

Xây dựng nông thôn mới là một trong những chủ trương, chính sách quan trọng của Đảng và Nhà nước. Trải qua hơn 5 năm thực hiện, những thành tựu của Chương trình NTM đã mang lại cho kinh tế, xã hội ở khu vực nông thôn hết sức rõ rệt, góp phần làm thay đổi bộ mặt, cải thiện điều kiện sống ở các vùng nông thôn trên cả nước.

Những thành quả mà Chương trình NTM mang lại là một khích lệ lớn đối với các nhà quản lý và hoạch định chính sách. Tuy nhiên, để đạt được kết quả trên, Chính phủ và xã hội đã đầu tư một nguồn lực không

nhỏ. Do đó, tính kinh tế, hiệu quả và hiệu lực của Chương trình NTM cần phải được kiểm tra, giám sát thường xuyên, chặt chẽ để nguồn lực được sử dụng đúng mục đích và phát huy hiệu quả cao nhất.

Xuất phát từ bối cảnh trên, nhóm tác giả thực hiện nghiên cứu nhằm đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với việc triển khai Chương trình NTM trong thời gian qua và xác định yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả chương trình sau hơn 5 năm qua tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

* TS., ** TS., Trường Đại học Tài chính - Marketing | Email: pthangngatchq@gmail.com | hufa01@yahoo.com
Ngày nhận bài: 22/06/2018; Ngày phản biện: 18/07/2018; Ngày duyệt đăng: 27/07/2018

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết và khung phân tích

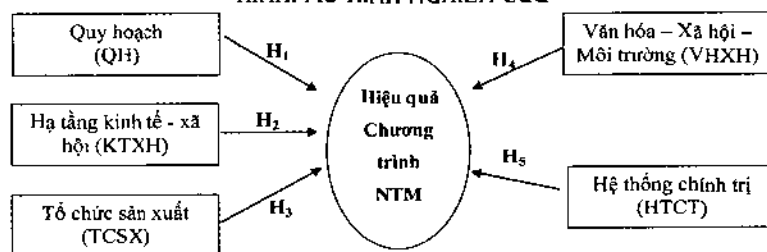
Nghiên cứu của Abdulai và CroleRees (2001); Demurger và cộng sự (2010)... cho thấy, thu nhập của nông dân chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, bao gồm: Vốn; Đất đai; Trình độ học vấn; Kinh nghiệm sản xuất; Số lao động; Khả năng đa dạng hóa thu nhập; và Cơ hội tiếp cận thị trường. Cùng với đó, nghiên cứu của Coker (2013) đánh giá hiệu quả của các chính sách chi tiêu chính phủ trong nông nghiệp Nigeria trong giai đoạn 1960-2007 cho thấy, chính sách chi tiêu công cho nông nghiệp ở Nigeria nói chung là không hiệu quả, chỉ góp phần tăng nhẹ 0.04% sản lượng nông nghiệp từ việc tăng 10% trong chi tiêu nông nghiệp.

Trong nghiên cứu của Nguyễn Quốc Thái (2012), tác giả đã khuyến nghị Chính phủ Việt Nam cần thực hiện một số chính sách tín dụng hỗ trợ xây dựng nông thôn mới, như: Tăng cường khả năng cung ứng tín dụng; Hoàn thiện cơ chế, quy trình và thủ tục trong tín dụng; Giám sát, kiểm tra, thanh tra và tổng kết, rút kinh nghiệm trong hoạt động tín dụng hỗ trợ xây dựng nông thôn mới. Nghiên cứu của Vũ Văn Phúc (2012) cũng đề xuất một số giải pháp liên quan đến: Công tác tuyên truyền; Tổ chức sản xuất; Phát triển kinh tế nông thôn; Giải quyết những mâu thuẫn ở nông thôn; Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và xây dựng người nông dân mới chủ thể của nông thôn là hạt nhân để xây dựng nông thôn mới.

Theo tinh thần Nghị quyết 26-NQ/TW, ngày 05/08/2008 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, với 5 nội dung cơ bản, gồm: (1) Nông thôn có làng xã văn minh, sạch đẹp, hạ tầng hiện đại; (2) Sản xuất bền vững, theo hướng hàng hóa; (3) Đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; (4) Bản sắc văn hóa dân tộc được giữ gìn và phát triển; (5) Xã hội nông thôn được quản lý tốt và dân chủ.

Để thực hiện các nội dung trên, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 491/QĐ-TTg, ngày 16/04/2009 ban hành Bộ Tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới, với 19 tiêu chí, được khái quát thành 5 nhóm nội dung: nhóm tiêu chí về quy hoạch, về hạ tầng kinh tế - xã hội; về kinh tế và tổ chức sản xuất; về văn hóa xã hội, môi trường và về hệ thống chính trị.

HÌNH: MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU



Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu

BẢNG 1: KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH KMO VÀ BARTLETT

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy		.916
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	5696.105
	Df	465
	Sig.	.000

Nguồn: Kết quả tính toán của nhóm tác giả

Trên cơ sở các nghiên cứu và thực tế triển khai, nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện Chương trình NTM như Hình.

Dựa trên 5 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện Chương trình NTM như đã phân tích ở trên, nhóm nghiên cứu đề xuất 5 giả thuyết nghiên cứu là:

Giả thuyết H₁: Công tác quy hoạch tốt, thì hiệu quả thực hiện Chương trình NTM sẽ tốt hơn.

Giả thuyết H₂: Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội tốt, thì hiệu quả thực hiện Chương trình NTM sẽ tốt hơn.

Giả thuyết H₃: Triển khai cho bà con tổ chức sản xuất càng tốt, thì hiệu quả thực hiện Chương trình NTM sẽ tốt hơn.

Giả thuyết H₄: Nâng cao đời sống văn hóa, dân trí góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình NTM.

Giả thuyết H₅: Hệ thống chính trị ổn định, đáp ứng được chức năng nhiệm vụ góp phần làm tăng hiệu quả thực hiện Chương trình NTM.

Phương pháp nghiên cứu

Khảo sát thực tế được thực hiện tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long với tổng số phiếu là 680, trong đó tỉnh Cà Mau 150; An Giang 93; Kiên Giang 92; Tiền Giang 72; Đồng Tháp 93; Sóc Trăng 85; Long An 95. Tổng số phiếu phù hợp để phân tích hồi quy là 524 phiếu. Sau đó, số liệu được đưa vào phần mềm xử lý SPSS 20.0 để phân tích (*Bài viết sử dụng cách viết số thập phân theo chuẩn quốc tế*).

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kết quả kiểm định KMO (Kaiser-Meyer-Olkin) và Bartlett để đo lường sự tương thích của mẫu khảo sát (Bảng 1).

Sau khi loại những biến quan sát có trọng số nhỏ hơn 0.5, mô hình nghiên cứu còn lại 28 biến quan sát, trích thành 5 nhóm nhân tố. Các giá trị Eigenvalues đều lớn

BẢNG 2: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH EFA

Biến quan sát		Các nhân tố				
Kí hiệu	Nội dung	1	2	3	4	5
Quy hoạch (QH)						
QH1	Việc quy hoạch cơ sở vật chất hạ tầng trên địa bàn được thông tin đầy đủ tới bà con.	.705				
QH2	Mục tiêu quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường tại địa phương được bà con nắm rõ.	.696				
QH3	Việc quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư tại địa bàn hiện nay theo hướng văn minh, hiện đại.	.589				
QH4	Việc quy hoạch phát triển các khu dân cư mới tại địa bàn bảo tồn được bản sắc văn hóa vùng miền.	.545				
II Kinh tế - xã hội (KTXT)						
KT1	Đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn nông thôn mới.		.723			
KT2	Đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện.		.711			
KT5	Cơ sở vật chất của trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở hiện nay là đạt chuẩn Chương trình NTM.		.696			
KT3	Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng được yêu cầu sản xuất và dân sinh.		.654			
KT4	Hệ thống điện được cung cấp ổn định, thường xuyên và đảm bảo an toàn.		.645			
KT8	Các điểm sử dụng dịch vụ Internet, bưu chính viễn thông tại địa bàn thuận lợi cho bà con.		.577			
I. Tổ chức sản xuất (TCSX)						
TC2	Số lượng Hộ nghèo giảm so với trước khi thực hiện Chương trình NTM.			.747		
TC1	Thu nhập bình quân đầu người/năm tăng so với mức trước khi thực hiện Chương trình NTM.			.683		
TC3	Số lượng người thất nghiệp giảm từ khi thực hiện Chương trình NTM.			.674		
TC4	Khi có Chương trình NTM, thì tổ hợp tác hoặc hợp tác xã hoạt động có hiệu quả.			.624		
TC5	Đào tạo nghề cho lao động tại địa phương được tăng cường khi thực hiện Chương trình NTM.			.597		
III Văn hóa - Xã hội - Môi trường (VHXH)						
VH2	Con em trong xã được học hết trung học cơ sở.				.723	
VH3	Con em trong xã được học hết trung học phổ thông.				.701	
VH4	Số người dân tham gia các hình thức bảo hiểm Y tế gia tăng.				.682	
VH5	Người dân có thể tiếp cận với các cơ sở y tế, trạm xá, bệnh viện và được cung cấp các loại thuốc thiết yếu.				.657	
VH6	Số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa tăng khi thực hiện Chương trình NTM.				.644	
VH7	Người dân được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh khi thực hiện Chương trình NTM.				.606	
VH8	Rác, chất thải, nước thải được thu gom và xử lý tốt.				.692	
VH9	An ninh, trật tự xã hội được đảm bảo tốt trong thôn xóm.				.587	
II Hệ thống chính trị (HTCT)						
HT1	Tư cách đạo đức của Cán bộ xã đạt chuẩn mực.					.750
HT2	Năng lực chuyên môn của Cán bộ xã đáp ứng yêu cầu công việc.					.692
HT3	Cán bộ xã nhiệt tình trong giải quyết công việc cho bà con.					.645
HT4	Các tổ chức đoàn thể, hội, chính trị của xã là đầy đủ.					.601
HT5	Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch vững mạnh".					.584
Eigenvalues	II	9.261	1.774	1.451	1.3061	1.163
Phương sai trích	III	29.875	35.598	40.278	44.493	52.166
Cronbach's Alpha	I	0.650	0.674	0.736	0.776	0.579

Nguồn: Kết quả tính toán của nhóm tác giả

BẢNG 3: ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ PHÙ HỢP MÔ HÌNH

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Change Statistics					Durbin-Watson
					R Square Change	F Change	df1	df2	Sig. F Change	
1	.707 ^a	.500	.494	.40905	.500	86.093	6	517	.000	1.801
a. Predictors: (Constant), HTCT, QH, TCSX, KTXH, VHXX										
b. Dependent Variable: NHANTO_Y										

BẢNG 4: HỆ SỐ HỒI QUY (COEFFICIENTS)

Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
	B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
1 (Constant)	.871	.159		5.483	.000		
QH	.114	.041	.112	2.802	.005	.609	1.642
KTXH	.144	.045	.143	3.193	.001	.484	2.066
TCSX	.123	.042	.136	2.934	.003	.451	2.217
VHXX	.254	.047	.255	5.343	.000	.426	2.350
HTCT	.172	.037	.202	4.685	.000	.520	1.924
a. Dependent Variable: NHANTO_Y							

Nguồn: Kết quả tính toán của nhóm tác giả

hơn 1, trị số phương sai trích 57.9% điều này có nghĩa là 57.9% thay đổi của 5 nhân tố được giải thích bởi 28 biến quan sát. Biến phụ thuộc sau khi xoay nhóm 1 nhân tố có phương sai trích 52.166% đạt yêu cầu. Kết quả như Bảng 2.

Để xác định, đo lường và đánh giá mức độ tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện chương trình NTM, nghiên cứu sử dụng RA đối với 5 nhân tố ảnh hưởng từ kết quả phân tích EFA. Sau đó, đưa 5 nhân tố như đã đặt tên ở trên vào chạy hồi quy bằng phương pháp Enter nhằm đánh giá mức độ phù hợp của mô hình. Kết quả như Bảng 3.

Để kiểm định tương quan từng phần của các hệ số hồi quy nhằm xem xét các biến độc lập tương quan có ý nghĩa với biến phụ thuộc hay không, nhóm tác giả chạy mô hình (phần Coefficients a). Kết quả như Bảng 4.

Kết quả (Bảng 3) cho giá trị F = 86.093 và giá trị Sig. rất nhỏ cho thấy, mô hình hồi quy bội phù hợp với tập dữ liệu và có thể sử dụng được. Kết quả kiểm định tương quan tất cả 5 biến: QH, HTCT, VHXX, KTXH, TCSX, có mức ý nghĩa (Sig.) nhỏ hơn 0.05. Điều này cho

thấy, phương sai của phần dư mô hình trên không thay đổi. Vậy, sau khi kiểm định, phân tích EFA và chạy hồi quy bội ta được phương trình hồi quy bội như sau:

$$Y = 0,255*VHXX + 0,202*HTCT + 0,143*KTXH + 0,136*TCSX + 0,112*QH$$

KẾT LUẬN VÀ GỢI Ý CHÍNH SÁCH

Kết quả nghiên cứu cho thấy, mô hình xây dựng phù hợp với dữ liệu thu được và hiệu quả thực hiện Chương trình NTM phụ thuộc vào 5 nhân tố: Văn hóa - Xã hội - Môi trường (VHXX); Hệ thống chính trị (HTCT); Hạ tầng kinh tế xã hội (KTXH); Kinh tế tổ chức sản xuất (TCSX). Trong đó, nhân tố VHXX ảnh hưởng nhiều nhất và nhân tố QH ảnh hưởng ít nhất.

Từ cơ sở khoa học về hiệu quả Chương trình NTM tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2010-2015, nghiên cứu này đề xuất một số hàm ý trong vấn đề triển khai Chương trình NTM giai đoạn 2018-2020, nhằm phát huy những tác động tích cực, hạn chế những tác động tiêu cực góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình NTM với mục tiêu: chất lượng, hiệu quả và bền vững, bao gồm:

Một là, đẩy mạnh hoạt động văn hóa xã hội, vì đây là một nhân tố tác động mạnh nhất đến hiệu quả thực hiện Chương trình NTM. Kết quả thực hiện khảo sát tại các tỉnh cho thấy, vấn đề xử lý rác còn nhiều hạn chế, như: thời gian lấy rác 1 tuần/lần, dẫn đến môi trường sống của người dân bị ô nhiễm. Vì vậy, các tỉnh phải

rút ngắn thời gian lấy rác 2 ngày/lần, đồng thời, xây dựng quy trình xử lý rác thải hợp lý và hiệu quả.

Tuyên truyền rõ ràng, kỹ lưỡng về quyền và nghĩa vụ của người khi tham gia bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội để người dân hiểu sâu sắc. Từ đó, người dân sẽ tham gia bảo hiểm đầy đủ góp phần nâng cao quá trình chăm sóc sức khỏe, đời sống của người dân khi có rủi ro xảy ra.

Tiếp tục vận động người người, nhà nhà đưa trẻ đến trường. Phổ cập giáo dục toàn diện, xóa mù chữ và chống tái mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non, duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện phổ cập giáo dục cơ sở đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học.

Hai là, phát huy tính ổn định trong hệ thống chính trị các cấp. Đây là nhân tố có tác động khá mạnh, cụ thể các tỉnh cần: Đẩy mạnh việc học tập theo tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh ở các cấp lãnh đạo và cán bộ, công chức, viên chức; Tăng cường công tác đào tạo tập huấn nghiệp vụ và kỹ năng để đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu công tác chuyên môn; Cần có chế độ khen thưởng kịp thời đối với những cán bộ viên chức được giao nhiệm vụ và họ đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ đó.

Ngoài ra, cần thực hiện tốt nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch; phát huy vai trò chủ thể của người dân và nâng cao vai trò, trách nhiệm trong việc tổ chức thực hiện các bản, ấp trong quá trình xây dựng nông thôn mới. Các tổ chức đoàn thể từ tỉnh đến các đơn vị được kiện toàn, nội dung, phương thức và chất lượng hoạt động từng bước đổi mới, thiết thực, tinh thần trách nhiệm cao với dân.

Ba là, đẩy mạnh phát triển hạ tầng kinh tế, đồng thời có phương pháp sử dụng khai thác hiệu quả các cơ sở vật chất hạ tầng đã có. Qua khảo sát thực tế tại các tỉnh cho thấy, các chợ đã được đầu tư rất khang trang, tuy nhiên người dân lại không vào buôn bán ở trong chợ, mà người dân lại bán buôn ngoài lề đường, trước cổng chợ, những nơi cấm buôn bán. Nguyên nhân là do chợ đặt ở vị trí không thuận lợi, phí chợ cao, khiến thu

nhập của người buôn bán thấp. Do đó, các nhà quản lý cần cân đối lại phí chợ để thu phù hợp, đồng thời tuyên truyền cho người dân biết phải buôn bán đúng nơi quy định, nếu vi phạm sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Bốn là, đẩy mạnh công tác tổ chức sản xuất cho các vùng nông thôn. Theo đó, cần đẩy mạnh đào tạo nghề để có số lượng lao động kỹ thuật tăng phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp; chuyển đổi cơ cấu sản xuất trong nông nghiệp thông qua công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, mở ra nhiều dịch vụ, ngành nghề trong nông nghiệp. Tận dụng mọi khả năng để phát triển công nghiệp chế biến, xuất khẩu các sản phẩm chế biến nông sản. Phát triển các ngành công nghiệp chế biến gắn với lợi thế và nguồn nguyên liệu của địa phương, hỗ trợ để các làng nghề tiểu thủ công nghiệp phát triển hiệu quả. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ, du lịch sinh thái..., phát triển các tiềm năng về các lĩnh vực chưa được khai thác của vùng để giải quyết vấn đề thiếu vốn đầu tư cho Chương trình NTM, cũng là giảm áp lực cho ngân sách nhà nước.

Năm là, triển khai công tác quy hoạch đồng bộ và hiệu quả. Qua khảo sát thực tế, công tác quy hoạch còn nhiều điểm cần khắc phục, đó là đã đưa các dự án vào quy hoạch, nhưng thời gian đã hơn 5 năm, vùng đất quy hoạch đó vẫn chưa triển khai. Chính vì vậy, trong thời gian tới cần triển khai các dự án đã quy hoạch để nâng cao hiệu quả cho quá trình thực hiện Chương trình NTM giai đoạn 2018-2020. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương (2008). *Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05/08/2008 về nông nghiệp, nông thôn, nông dân*
2. Thủ tướng Chính phủ (2009). *Quyết định số 491/QĐ-TTg, ngày 16/04/2009 ban hành Bộ Tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới*
3. Vũ Văn Phúc (2012). *Xây dựng nông thôn mới: những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội
4. Nguyễn Quốc Thái (2012). Tận dụng hỗ trợ xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam - một số vấn đề lý thuyết, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, tháng 10/2012
5. Abdulai, A. & CroleRees, A. (2001). Determinants of Income Diversification among Rural Households in Southern Mali, *Food Policy*, 26, 437-452
6. Coker, A. A. (2013). Effectiveness of federal government expenditure policy on agriculture in Nigeria, *International Journal of Research in Social Sciences*, 3 (3), 119-127
7. Demurger, S., Fournier, M. & Yang, W. (2010). Rural Households' Decisions towards Income Diversification: Evidence from a Township in Northern China, *China Economic Review*, 457, 1-13